

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **854**/GDĐT-VP

Quận 11, ngày **25** tháng 7 năm 2022

Về việc dự thảo kết quả chấm điểm thi
đua các đơn vị trường học
năm học 2021-2022

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường công lập
và ngoài công lập.

Căn cứ Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Quận 11 về Quy định nội dung, tiêu chuẩn, thang điểm và quy trình tổ chức chấm điểm, xét duyệt thi đua trên địa bàn Quận 11”;

Căn cứ Quyết định số 2999/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (giáo dục trung học cơ sở kết thúc năm học vào ngày 31/5/2022);

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (giáo dục mầm non kết thúc năm học vào ngày 29/7/2022);

Căn cứ biên bản chấm điểm thi đua - khen thưởng các tổ chuyên môn mầm non (ngày 06/7/2022), tiểu học (ngày 05/7/2022 và 22/7/2022), trung học cơ sở (ngày 06/7/2022).

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo đến các đơn vị dự thảo kết quả chấm điểm thi đua các đơn vị trường học công lập và ngoài công lập.

Đề nghị Hiệu trưởng các trường rà soát và gửi ý kiến phản hồi (nếu có) bằng văn bản về Phòng Giáo dục và Đào tạo chậm nhất vào ngày thứ tư 27/7/2022. Quá thời hạn trên, các trường không có ý kiến xem như thống nhất với dự thảo kết quả chấm điểm, Phòng Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tịch.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Trọng Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO
TỔNG HỢP BẢNG ĐIỂM 1100 - CÁC TRƯỜNG MẦM NON CÔNG LẬP
(Theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân Quận 11)
Năm học 2021-2022

TT	ĐƠN VỊ	Điểm Trường tự chấm	Điểm PGD-ĐT chấm	Diễn giải
1.	MẦM NON PHƯỜNG 1	500	499	- Trừ 1 điểm, tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì giảm thấp.
2.	MẦM NON PHƯỜNG 2	498	499	- Nâng 1 điểm trường có tạo mảng xanh.
3.	MẦM NON PHƯỜNG 3	499	499	- Nâng 1 điểm trường có kế hoạch dài hạn. - Trừ 1 điểm tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì giảm thấp.
4.	MẦM NON PHƯỜNG 4	499.5	498.5	- Trừ 1 điểm, tỷ lệ trẻ Suy dinh dưỡng .thừa cân béo phì giảm thấp.
5.	MẦM NON PHƯỜNG 5	500đ	500	
6.	MẦM NON PHƯỜNG 6	498	499	- Nâng 1 điểm đạt trình độ đào tạo, do giáo viên đang học nâng chuẩn.
7.	MẦM NON PHƯỜNG 7	497	497	
8.	MẦM NON PHƯỜNG 8	497	497	- Nâng 1 điểm về cơ sở vật chất. - Trừ 1 điểm tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì giảm thấp.
9.	MẦM NON PHƯỜNG 9	500	500	
10.	MẦM NON 10	500	500	
11.	MẦM NON PHƯỜNG 11	500	499	- Trừ 1 điểm, tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì giảm thấp.
12.	MẦM NON PHƯỜNG 12	499	499	
13.	MẦM NON PHƯỜNG 13	500	500	
14.	MẦM NON PHƯỜNG 14	499	500	- Nâng 1 điểm. Trường có kế hoạch, phân công đội ngũ giáo viên hợp lý.
15.	MẦM NON 15	500	500	
16.	MẦM NON PHƯỜNG 16	500	500	
17.	MẦM NON QUẬN	500	500	

BÁO CÁO
TỔNG HỢP BẢNG ĐIỂM 1100
CÁC TRƯỜNG MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP
(Theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân Quận 11)
Năm học 2021-2022

TT	ĐƠN VỊ	Điểm Trường tự chấm	Điểm PGD-ĐT chấm	Diễn giải
1.	Mầm non Mỹ Úc	450 (cộng sai)	467	- Trừ 5 điểm trường chưa có cây xanh; - Trừ 10 điểm chưa có biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục - Trừ 2 điểm chưa có biện pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì; - Trừ 5 điểm chưa đảm bảo tham gia hội họp đầy đủ. - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn.
2.	Mầm non Tuổi Thơ	480	452	- Trừ 10 điểm chưa có biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục; - Trừ 5 điểm đồ dùng dạy học, đồ chơi chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục Mầm non; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch nâng chuẩn trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV. - Trừ 3 điểm chưa có biện pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì; - Trừ 5 điểm chưa đảm bảo tham gia hội họp đầy đủ.
3.	Mầm non Phú Bình	480	455	- Trừ thêm 3 điểm chưa đủ giáo viên - Trừ 10 điểm chưa có biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục; - Trừ 5 điểm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì thấp

				- Trừ 5 điểm chưa đảm bảo tham gia hội họp đầy đủ. - Trừ thêm 3 điểm chưa có kế hoạch dài hạn
4.	Mầm non Hoa Hướng Dương	485	481	- Nâng 2 điểm trường có bố trí sân chơi cho trẻ - Nâng 2 điểm bố trí nhân sự hợp lý - Nâng 2 điểm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì - Trừ 5 điểm chưa có biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục; - Trừ 5 điểm Trường không có Sáng kiến kinh nghiệm., nộp báo cáo chưa kịp thời
5.	Mầm non Lữ Gia	460 (cộng sai)	467	- Nâng 2 điểm có biện pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì nhưng chưa cao.
6.	Mầm non Minh Anh	476 (cộng sai)	471	- Nâng 5 điểm có đồ chơi nhưng còn hạn chế, thực hiện quyết toán thu chi của đơn vị - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn
7.	Mầm non Táo Vàng	450 (cộng sai)	450	- Trừ thêm 5 điểm chưa có biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên; - Trừ 5 điểm nộp báo cáo trễ.
8.	Mầm non Ánh Dương	455	468	- Nâng 5 điểm có cố gắng thực hiện mảng xanh; - Nâng 5 điểm có đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ. - Nâng 5 điểm có thu chi tài chánh rõ ràng - Nâng 5 điểm thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 2 điểm chưa giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn
9.	Mầm non Việt Mỹ	499,5	499,5	- Giữ nguyên
10.	Mầm non Táo Hồng	470	450	- Trừ 5 điểm trường không có cây xanh; - Trừ 5 điểm đồ dùng dạy học,

				đồ chơi chưa phong phú; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch cho giáo viên nâng chuẩn - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 3 điểm chưa tham gia đầy đủ hội họp - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn - Nâng 8 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa cao
11.	Mầm non Việt Anh	476	477	- Nâng 2 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa cao - Trừ thêm 1 điểm về Sáng kiến kinh nghiệm.
12.	Mầm non Bambi Hồng	460	460	- Trừ 10 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Nâng 10 điểm về công tác pháp chế
13.	Mầm non Hoa Mặt trời	475	467	- Trừ 5 điểm chưa đủ giáo viên; - Nâng 2 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa cao - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn.
14.	Mầm non Hương Sen	465 (cộng sai)	458	- Trừ 10 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ thêm 3 điểm chưa có kế hoạch nâng cao trình độ đào tạo cho giáo viên - Nâng 3 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa cao
15.	Mầm non Học viện Hoa Kỳ	465	454	- Nâng 2 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa cao - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 3 điểm chưa tham gia đầy đủ hội họp - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn.

16.	Mầm non Việt Đức	495	450	- Trừ 5 điểm cơ sở vật chất chưa đảm bảo - Trừ 5 điểm thiếu Giáo viên - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên; - Trừ 10 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 5 điểm công tác pháp chế hệ thống các văn bản pháp qui. - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn. - Trừ 5 điểm chưa có Sáng kiến kinh nghiệm. - Trừ 5 điểm nộp báo cáo trễ.
17.	Mầm non Việt Mỹ Anh	475	465	- Nâng 5 điểm giảm suy dinh dưỡng thừa cân béo phì - Trừ 5 điểm chưa nộp báo cáo đúng thời gian - Trừ 5 điểm chưa có Sáng kiến kinh nghiệm.
18.	Mầm non Thành phố Tuổi Thơ	495	460	- Trừ 5 điểm chưa đủ số lượng giáo viên; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ giáo viên; - Trừ 10 điểm chưa có kế hoạch nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ; - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn. - Trừ 5 điểm tỷ lệ suy dinh dưỡng thừa cân béo phì chưa giảm - Trừ 5 điểm chưa có Sáng kiến kinh nghiệm.
19.	Mầm non Ngôi nhà Sao Sáng	455	460	- Nâng 5 điểm về cơ sở vật chất - Nâng 5 điểm có thực hiện chương trình giáo dục Mầm non - Nâng 5 điểm không để xảy ra ngộ độc, dịch bệnh - Trừ 5 điểm chưa có kế hoạch dài hạn. - Trừ 5 điểm chưa có Sáng kiến kinh nghiệm.

BÁO CÁO
TỔNG HỢP BẢNG ĐIỂM 1100 - CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
(Theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân Quận 11)
Năm học 2021-2022

STT	ĐƠN VỊ	Điểm Trường tự chấm	Điểm PGD-ĐT chấm	Diễn giải
1	HÙNG VIỆT	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
2	NGUYỄN THI	500	480	1.3/Thu chi tài chánh -5 2.3/Đoàn kết nội bộ, phát huy tốt dân chủ cơ sở - 5 2.4/Thực hiện quy chế chuyên môn (đánh giá học sinh) - 5 3.14/ Thực hiện công tác kiểm tra chuyên môn - 5
3	PHÙNG HÙNG	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
4	PHẠM VĂN HAI	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
5	HOÀ BÌNH	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
6	TRẦN VĂN ƠN	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
7	ÂU CƠ	498	498	1.3/Báo cáo thanh quyết toán -1 4.1/Thông tin báo cáo -1
8	ĐỀ THÁM	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
9	LẠC LONG QUÂN	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
10	HÀN HẢI NGUYỄN	500	495	2.4/Thực hiện quy chế chuyên môn - 5
11	NGUYỄN BÁ NGỌC	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
12	THÁI PHIÊN	489	489	1.1/ Môi trường sư phạm -2 1.2/Sân bãi luyện tập, thư viện -2 1.4/ Ánh sáng, phòng học -2 3.1/HS bỏ học -2 3.8/ Không có HS đạt giải -2 4.3.4/Hồ sơ thi đua -1
13	QUYẾT THẮNG	500	486	2.3/Đoàn kết nội bộ, giải quyết vướng mắc của CBCC -10 4.1.4/Thực hiện công khai trong đơn vị -4

14	PHÚ THỌ	500	493	2.4/Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp với PHHS dẫn đến thừa kiện kéo dài -5 4.1.1/GV chưa thể hiện được sự tương tác với HS trong quá trình giảng dạy -2
15	ĐẠI THÀNH	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
16	TRUNG TRẮC	500	495	2.4/Thực hiện quy chế chuyên môn - 5
17	NGUYỄN THỊ NHỎ	500	500	Nhất trí điểm tự chấm của trường
18	LÊ ĐÌNH CHINH	500	498	4.1.1/Thực hiện chỉ đạo của SGD về công tác kiểm tra lớp 1, 2 -2
19	GDCB 15/5	500	498	4.1.5/Công tác quản lý hồ sơ chuyên môn -2
20	BÌNH THỜI	483	483	1.2/Sân bãi luyện tập, thiết bị ĐDDH -2 2.3/GV & HS chưa tích cực tham gia hoạt động của ngành - 5 3.10/Phong trào TĐTT -5 4.3.3/Sáng kiến kinh nghiệm -5
21	VIỆT MỸ	487	487	2.3/GV & HS chưa tích cực tham gia hoạt động của ngành -2 2.5/Sinh hoạt tổ nhóm -2 3.10/Phong trào TĐTT -5 4.1.2/Hệ thống hóa các VB -2 4.3.3/Sáng kiến kinh nghiệm -2
22	VIỆT MỸ ÚC	487	483	1.2/Sân bãi luyện tập, thiết bị ĐDDH -3 2.3/GV & HS chưa tích cực tham gia hoạt động của ngành -5 3.10/Phong trào TĐTT -5 4.3.3/Sáng kiến kinh nghiệm -4

BÁO CÁO
TỔNG HỢP BẢNG ĐIỂM 1100 - CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
(Theo Quyết định số 3012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân Quận 11)
Năm học 2021-2022

TT	Đơn vị	Điểm Trường tự chấm	Điểm PGD-ĐT chấm	Diễn giải (các tiêu chí trừ và cộng điểm)
1.	HẬU GIANG	500	500	- Thống nhất điểm tự chấm của trường. Tổng số điểm thực tế: 500
2.	NGUYỄN VĂN PHÚ	499	500	- Cộng 1 điểm trường có 4 giải cấp Thành phố hội thi Khoa học kỹ thuật. (Cao hơn số học sinh đạt giải năm học trước của trường) Tổng số điểm thực tế: 500
3.	LỮ GIA	500	500	- Thống nhất điểm tự chấm của trường. Tổng số điểm thực tế: 500
4.	TRƯỜNG BDGD	500	495	- Trừ 5 điểm mục xây dựng cảnh quan nhà trường và môi trường sư phạm tiên tiến, văn minh, hiện đại... Tổng số điểm thực tế: 495
5.	CHU VĂN AN	500	499.5	- Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đột xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022) Tổng số điểm thực tế: 499.5
6.	LÊ QUÝ ĐÔN	500	498.75	- Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đột xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022) - Trừ 2 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Toán và môn Tiếng Anh thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. - Cộng 0.5 điểm trường có 2 giải cấp Thành phố hội thi Khoa học kỹ thuật. (Cao hơn số học sinh đạt giải năm học trước của trường) - Cộng 0.75 điểm trường có 9 học sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp Thành phố. (Cao hơn số học sinh

				đạt giải năm học trước của trường) Tổng số điểm thực tế: 498.75
7.	PHÚ THỌ	499	498.5	- Phòng Giáo dục không trừ 1 điểm (Trường tự trừ 1 điểm) ở mục I về cơ sở vật chất, môi trường sư phạm, đảm bảo chỗ học cho học sinh.... - Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đợt xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022) - Trừ 1 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Toán thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. Tổng số điểm thực tế: 498.5
8.	NGUYỄN MINH HOÀNG	499	498.5	- Phòng Giáo dục không trừ 1 điểm (Trường tự trừ 1 điểm) ở mục 3 về chất lượng hiệu quả đào tạo. - Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đợt xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022) - Trừ 1 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Ngữ văn thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. Tổng số điểm thực tế: 498.5
9.	VIỆT MỸ	498	498.5	- Phòng Giáo dục không trừ 2 điểm (Trường tự trừ 2 điểm) ở mục 1 về cơ sở vật chất môi trường sư phạm. - Trừ 2 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Ngữ văn và môn Toán thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. - Cộng 0.25 điểm trường có 1 giải cấp Thành phố hội thi Khoa học kỹ thuật. (Cao hơn số học sinh đạt giải năm học trước của trường) - Cộng 0.25 điểm trường có 1 học sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp Thành phố. (Cao hơn số học sinh đạt giải năm học trước của trường) Tổng số điểm thực tế: 498.5
10.	LÊ ANH XUÂN	498	496	- Phòng Giáo dục trừ 0.5 điểm (Trường tự trừ 2 điểm) ở mục 3 về chất lượng hiệu quả đào tạo có số học sinh lưu ban nghỉ bỏ học - Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đợt xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022)

				- Trừ 3 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. Tổng số điểm thực tế: 496
11.	NGUYỄN HUỆ	498	491.75	- Phòng Giáo dục trừ thêm 3 điểm (Trường tự trừ 2 điểm) ở mục 3 về chất lượng hiệu quả đào tạo có số học sinh lưu ban nghỉ bỏ học... - Thông tin báo cáo, thực hiện các báo cáo định kỳ (đợt xuất): Trừ 0.5 điểm (Báo cáo tháng 2/2022) - Trừ 3 điểm tỉ lệ tuyển sinh 10 môn Ngữ văn, Toán và Tiếng Anh thấp hơn tỉ lệ của Thành phố. - Cộng 0.25 điểm trường có 1 học sinh đạt giải Học sinh giỏi cấp Thành phố. (Cao hơn số học sinh đạt giải năm học trước của trường) Tổng số điểm thực tế: 491.75